

Số: 235/2017/DS-ST

Ngày: 11-8-2017.

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Thành Luân.

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Nhất Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Mạnh Thị Tú Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2017/TLST-DSST ngày 03 tháng 3 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2017/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2017/QĐST-DS ngày 18/7/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần X.

Địa chỉ: Đường T, phường N, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Vũ Trường S, sinh năm 1985 - Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo văn bản ủy quyền số 75/2017/EIB-Q11 ngày 11/4/2017 (Vắng mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Địa chỉ: 55 đường C, Phường A, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/02/2017 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X có ông Vũ Trường S đại diện trình bày:

Ngày 11/11/2014 Ngân hàng Thương mại Cổ phần X (sau đây gọi tắt là Ngân hàng X) và ông Nguyễn Văn H ký Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng

sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (Visa Platinum) theo hình thức miễn bảo đảm tín dụng (tín chấp), hạn mức tín dụng tối đa là 200.000.000 đồng. Ngày 24/11/2014 Ngân hàng X phát hành thẻ tín dụng quốc tế (Visa Platinum) cho ông Nguyễn Văn H, số thẻ 4696556789903335 (giấy xác nhận đã nhận thẻ ngày 24/11/2014).

Quá trình sử dụng, chủ thẻ ông H đã dùng thẻ để rút tiền mặt, thanh toán tiền mua hàng hóa và các khoản phí phát sinh (tạm tính đến 06/02/2017, ngày khóa thẻ đối với bà Giao) với số tiền cụ thể:

Nợ gốc là 1.508.112.070 đồng.

Nợ lãi và các khoản phí là 125.099.331 đồng.

Tổng số tiền nợ là 1.633.211.401 đồng.

Số tiền ông H đã thanh toán cho Ngân hàng là 1.332.586.141 đồng.

Số tiền ông H còn nợ lại là 300.625.260 (gồm nợ gốc là 199.845.870 đồng; nợ lãi và các khoản phí là 100.779.390 đồng).

Trong quá trình Toà án giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Toà án đã tiến hành triệu tập ông Nguyễn Văn H đến Toà để tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên tòa nhưng ông Nguyễn Văn H đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản đối.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Ngân hàng X xin được vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và gửi bản sao kê tài khoản số tiền nợ của ông H tính đến ngày 03/8/2017 tổng số tiền là 404.514.831 đồng (trong đó bao gồm nợ gốc 199.845.870 đồng và nợ lãi và các khoản phí là 204.668.961 đồng).

Bị đơn vắng mặt không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án, Toà án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, kiến nghị Toà án thực hiện việc tổng đạt cho các đương sự vắng mặt đúng theo quy định của Luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đã được triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Toà án căn cứ vào điểm b khoản 2

Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Căn cứ Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế (Visa Platinum) được ký kết giữa ngân hàng với ông H, việc thực hiện giao dịch trên là do các bên hoàn toàn tự nguyện nên được pháp luật bảo vệ. Quá trình sử dụng thẻ ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán về tiền nợ gốc và lãi nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng của đương sự: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng X yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn H trả số tiền nợ thẻ còn thiếu, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là “tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn ông Nguyễn Văn H cư trú tại Quận 10 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét văn bản ủy quyền số 75/2017/EIB-Q11 ngày 11/4/2017 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X ủy quyền cho ông Vũ Trường S tham gia tố tụng tại Tòa án là phù hợp với quy định tại Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét, bị đơn ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 10/02/2015 của Ngân hàng X thì chủ thẻ ông Nguyễn Văn H cam kết sử dụng thẻ theo đúng quy định của pháp luật và hợp đồng với Ngân hàng, chịu mọi trách nhiệm đối với những nghĩa vụ và trách nhiệm có liên quan đến việc sử dụng thẻ được Ngân hàng cấp. Theo đó ông H phải thanh toán cho Ngân hàng số nợ gốc và các khoản lãi, phí nếu không thanh toán đúng hạn cho Ngân hàng.

Xét, tại các bản sao kê do Ngân hàng cung cấp, thể hiện chủ thẻ ông H đã sử dụng thẻ tín dụng nói trên để rút tiền mặt, thanh toán tiền mua hàng hóa và các khoản phí phát sinh tính từ ngày Ngân hàng phát hành thẻ 24/11/2014 đến ngày 03/8/2017 với số tiền nợ gốc là 199.845.870 đồng, nợ lãi và các khoản phí là 204.668.961 đồng (gồm lãi (phí tài chính) là 80.736.117 đồng, phí thanh toán

trễ hạn là 107.100.040 đồng, phí vượt hạn mức là 15.832.804 đồng, phí thường niên là 1.000.000 đồng).

Xét yêu cầu tính lãi và phí đối với bị đơn:

Căn cứ Thông báo điều chỉnh biểu phí lãi suất số 4454/2014/EIB/TB-TTT ngày 08/09/2014 hiệu lực ngày 22/08/2014 của Ngân hàng X, thì phí tài chính (lãi vay) là 1.5%/tháng, phí trễ hạn thanh toán là 3%/tháng số tiền thanh toán tối thiểu là 50.000 đồng, phí sử dụng vượt hạn mức là 15%/năm/số tiền vượt hạn mức. Và thông báo điều chỉnh biểu phí lãi suất số 637/2016/EIB/TB-TTT ngày 13/04/2016 hiệu lực ngày 29/04/2016 của Ngân hàng X thì đối với loại thẻ tín dụng quốc tế mà ông H đang sử dụng thì phí tài chính (lãi vay) là 19.2%/năm (1.6%/tháng) là phù hợp với quy định “Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác” tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, và Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên ông H phải chịu các khoản phí và lãi nói trên theo quy định.

Như vậy, lãi và phí được tiếp tục tính kể từ ngày 04/8/2017 cho đến khi ông Nguyễn Văn H thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất và mức phí quy định trong Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 11/11/2014 của Ngân hàng X.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí là 20.180.593 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 91, Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

- Áp dụng Điều 463, khoản 1 Điều 468, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X số tiền là 404.514.831 đồng, trong đó nợ gốc 199.845.870 đồng, nợ lãi và các loại phí là 204.668.961 đồng.

Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 04/8/2017 cho đến khi ông Nguyễn Văn H thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất và mức phí quy định trong Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 11/11/2014 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X.

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Án phí dân sự sơ thẩm là 20.180.593 đồng, ông Nguyễn Văn H phải chịu.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.515.632 đồng, theo biên lai thu tiền số 0001041 ngày 02/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được nhận hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM,
- VKSND Q.10,
- Chi cục THADS Q.10,
- Các đương sự,
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Phương Lan